

Phụ lục III
DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRỌNG TÂM THÀNH PHỐ UỶ TIÊN TRIỂN KHAI
(Kèm theo Đề án Triển khai chiến lược dữ liệu số thành phố Huế)

1. Danh mục nhiệm vụ, dự án

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả/Sản phẩm dự kiến	Dự kiến kinh phí (đồng)	Thời gian thực hiện/Ghi chú
I	DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG				45 tỷ	
1	Các nhiệm vụ số hóa					
1.1	Dữ liệu hồ sơ thủ tục hành chính, bao gồm thông tin về loại thủ tục, thời gian tiếp nhận, quá trình xử lý và kết quả giải quyết.	Các sở, ban, ngành, địa phương	- VP UBND thành phố - Sở Khoa học và Công nghệ	Cơ sở dữ liệu số hóa hồ sơ TTHC thống nhất, chuẩn hóa, kết nối dùng chung giữa các cơ quan	5 tỷ	2026-2027
1.2	Dữ liệu phản ánh, kiến nghị của người dân và doanh nghiệp liên quan đến việc cung cấp dịch vụ công.	Các sở, ban, ngành, địa phương	- VP UBND thành phố - Sở Nội vụ	Kho dữ liệu phản ánh, kiến nghị tập trung; chuẩn hóa danh mục lĩnh vực, mức độ xử lý, thời gian phản hồi	3 tỷ	2026-2027
1.3	Dữ liệu các dự án đầu tư trên địa bàn, bao gồm thông tin về quy mô, lĩnh vực, địa điểm và tiến độ triển khai dự án.	Sở Tài chính	- Sở Khoa học và Công nghệ	Cơ sở dữ liệu số về dự án đầu tư, có bản đồ hóa vị trí, tiến độ, lĩnh vực, quy mô đầu tư	4 tỷ	2026-2027
1.4	Dữ liệu kết quả giải quyết hồ sơ hành chính, bao gồm tỷ lệ đúng hạn, quá hạn, thời gian xử lý	Các sở, ban, ngành, địa	- VP UBND thành phố	Bộ dữ liệu thống kê, đánh giá kết quả giải quyết hồ	3 tỷ	2026-2027

	trung bình và các chỉ số đánh giá chất lượng dịch vụ.	phương	- Sở Khoa học và Công nghệ	sơ theo thời gian thực, phục vụ theo dõi đúng hạn, quá hạn, mức độ hài lòng		
2	Các nhiệm vụ xây dựng Hệ thống thông tin, nền tảng số, dịch vụ số					
2.1	- Hệ thống phân tích hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp các chỉ số đánh giá về tiến độ xử lý hồ sơ, tỷ lệ đúng hạn và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.	Sở Khoa học và Công nghệ	VP UBND thành phố	Phần mềm phân tích, báo cáo, trực quan hóa chỉ số xử lý hồ sơ; báo cáo tự động theo sở, ngành, địa phương	6 tỷ	2026-2027
2.2	- Hệ thống phân tích và dự báo nhu cầu dịch vụ công, hỗ trợ cơ quan quản lý dự báo số lượng hồ sơ và nhu cầu sử dụng dịch vụ theo từng lĩnh vực.	Sở Khoa học và Công nghệ	VP UBND thành phố	Nền tảng dự báo nhu cầu sử dụng dịch vụ công theo lĩnh vực, địa bàn, thời điểm; hỗ trợ bố trí nguồn lực	5 tỷ	2026-2027
2.3	- Nâng cấp Hệ thống quản lý dự án đầu tư ngoài ngân sách trên địa bàn. Xây dựng Bản đồ môi trường đầu tư, tích hợp dữ liệu doanh nghiệp, dữ liệu dự án đầu tư và dữ liệu thủ tục hành chính để cung cấp thông tin phục vụ hoạt động xúc tiến đầu tư.	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ	Hệ thống quản lý đầu tư ngoài ngân sách nâng cấp; bản đồ số môi trường đầu tư tích hợp dữ liệu doanh nghiệp, dự án, thủ tục	8 tỷ	2026-2027
2.4	- Hệ thống bảng điều khiển (Dashboard) phục vụ công tác điều hành của lãnh đạo, cho phép theo dõi tình hình giải quyết thủ tục hành chính theo thời gian thực, hỗ trợ ra quyết định quản lý.	Sở Khoa học và Công nghệ	VP UBND thành phố	Dashboard điều hành dùng chung cho lãnh đạo thành phố và các cơ quan; theo dõi TTHC, đầu tư, phản ánh kiến nghị thời gian thực	6 tỷ	2026-2028
2.5	- Tích hợp, cung cấp các dịch vụ công chủ động,	Sở Khoa	VP UBND	Tối thiểu 1 số nhóm dịch	5 tỷ	2026-2027

	tự động hóa nhằm chủ động phục vụ người dân, doanh nghiệp, cắt giảm thời gian giải quyết dịch vụ công.	học và Công nghệ	thành phố	vụ công chủ động, nhắc việc, tự động điền biểu mẫu, hỗ trợ người dân doanh nghiệp		
II	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CHUYÊN NGÀNH DỰA TRÊN DỮ LIỆU				70 tỷ	
1	Các nhiệm vụ số hóa					
1.1	- Dữ liệu giáo dục, bao gồm thông tin về hệ thống cơ sở giáo dục, đội ngũ giáo viên, học sinh, kết quả đào tạo và các chỉ số phát triển giáo dục.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Cơ sở dữ liệu giáo dục thống nhất từ mầm non đến phổ thông, kết nối quản lý trường lớp, giáo viên, học sinh, kết quả học tập	~	Thực hiện theo nhiệm vụ VI.6.2 và VI.6.3 tại Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 28/1/2026
1.2	- Dữ liệu y tế, bao gồm thông tin về cơ sở khám chữa bệnh, nhân lực y tế, dịch bệnh, hoạt động khám chữa bệnh và các chỉ số chăm sóc sức khỏe cộng đồng.	Sở Y tế	Sở Khoa học và Công nghệ	Cơ sở dữ liệu y tế chuyên ngành tích hợp cơ sở khám chữa bệnh, nhân lực, dịch tễ, chỉ số sức khỏe cộng đồng	5 tỷ	2026-2029
1.3	- Dữ liệu nông nghiệp, bao gồm thông tin về diện tích sản xuất, cơ cấu cây trồng vật nuôi, sản lượng, thị trường tiêu thụ và tình hình phát triển kinh tế nông nghiệp.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ	Cơ sở dữ liệu nông nghiệp theo vùng sản xuất, cây trồng, vật nuôi, sản lượng, thị trường tiêu thụ	5 tỷ	2026-2029
1.4	- Dữ liệu công thương, bao gồm thông tin về hoạt động sản xuất, thương mại, hệ thống phân	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ	Cơ sở dữ liệu công thương số hóa về sản	4 tỷ	2026-2028

	phối, thị trường và các ngành công nghiệp trên địa bàn.			xuất, thương mại, phân phối, thị trường và năng lực doanh nghiệp		
1.5	- Dữ liệu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bao gồm thông tin về tổ chức khoa học công nghệ, các nhiệm vụ nghiên cứu, hoạt động đổi mới sáng tạo và chuyên gia công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Cơ sở dữ liệu về tổ chức KH&CN, nhiệm vụ nghiên cứu, sáng kiến, chuyển giao công nghệ	4 tỷ	2026-2028
1.6	- Dữ liệu quản lý của 14 ngành và các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn thành phố có liên quan	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	Tập hợp, chuẩn hóa và tích hợp dữ liệu quản lý của các ngành vào hệ thống dùng chung thành phố	7 tỷ	2026-2029
2	Các nhiệm vụ xây dựng Hệ thống thông tin, nền tảng số, dịch vụ số					
2.1	- Hệ thống phân tích và đánh giá tình hình phát triển của từng ngành, lĩnh vực dựa trên các chỉ số dữ liệu kinh tế – xã hội, an ninh, quốc phòng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Hệ thống báo cáo phân tích đa ngành phục vụ chỉ đạo điều hành, có chỉ số so sánh, cảnh báo xu hướng	12 tỷ	2026-2028
2.2	- Hệ thống dự báo xu hướng phát triển của các ngành, hỗ trợ cơ quan quản lý trong việc xây dựng và điều chỉnh chính sách.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Công cụ phân tích và dự báo phát triển ngành, hỗ trợ xây dựng chính sách và kế hoạch phát triển	10 tỷ	2026-2028
2.3	- Nền tảng chia sẻ dữ liệu chuyên ngành giữa các cơ quan quản lý nhà nước, tạo điều kiện cho việc phối hợp trong quản lý và điều hành.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu chuyên ngành giữa các sở, ban, ngành; đồng bộ với nền tảng dữ liệu dùng chung thành phố	13 tỷ	2026-2028

2.4	- Cổng thông tin dữ liệu chuyên ngành phục vụ doanh nghiệp và nhà đầu tư trong việc tiếp cận thông tin thị trường, thông tin ngành và các cơ hội đầu tư.	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	Cổng dữ liệu chuyên ngành tra cứu công khai, hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư tiếp cận thông tin	10 tỷ	2026-2028
III	QUY HOẠCH VÀ QUẢN LÝ HẠ TẦNG ĐÔ THỊ DỰA TRÊN DỮ LIỆU				143 tỷ	
1	Các nhiệm vụ số hóa					
1.1	- Dữ liệu quy hoạch đô thị, bao gồm quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết	Sở Xây dựng	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ dữ liệu số hóa quy hoạch chung, phân khu, chi tiết; chuẩn hóa phục vụ tra cứu và quản lý	~	Thực hiện theo nhiệm vụ I.1.2 tại Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 28/1/2026
1.2	- Dữ liệu đất đai và bản đồ địa chính, bao gồm thông tin về ranh giới thửa đất, mục đích sử dụng đất và tình trạng pháp lý của đất đai	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ	Cơ sở dữ liệu đất đai, địa chính số, bản đồ ranh giới thửa đất, mục đích sử dụng đất	18 tỷ	2026-2029
1.3	- Dữ liệu không gian địa lý (GIS) của đô thị, bao gồm hệ thống giao thông, các khu chức năng và hệ thống hạ tầng kỹ thuật	Sở Xây dựng	Sở Khoa học và Công nghệ	Kho dữ liệu GIS đô thị tích hợp giao thông, khu chức năng, hạ tầng kỹ thuật	20 tỷ	2026-2029
1.4	- Dữ liệu mô hình 3D đô thị phục vụ việc mô phỏng và trực quan hoá không gian đô thị	Sở Xây dựng	Sở Khoa học và Công nghệ	Mô hình 3D một số khu vực trọng điểm đô thị Huế, phục vụ mô phỏng, quy hoạch, quản lý không gian	~	Thực hiện theo nhiệm vụ I.1.1 và I.1.6 tại Quyết định

						số 465/QĐ- UBND ngày 28/1/2026
1.5	- Dữ liệu hệ thống giao thông đô thị, bao gồm mạng lưới đường giao thông, lưu lượng phương tiện và các điểm ùn tắc	Sở Xây dựng	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ dữ liệu số giao thông, nút giao, lưu lượng, điểm ùn tắc, bãi đỗ xe	18 tỷ	2026-2029
1.6	- Dữ liệu hệ thống điện, chiếu sáng công cộng, cấp nước và các hạ tầng kỹ thuật khác của đô thị	UBND các phường, xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Dữ liệu số hóa hạ tầng kỹ thuật đô thị, từng bước chuẩn hóa theo địa bàn	25 tỷ	2027-2029
1.7	- Dữ liệu dân cư và phân bố dân số phục vụ công tác quy hoạch phát triển đô thị	Công an thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	Dữ liệu dân cư phục vụ phân tích phân bố dân số, hỗ trợ quy hoạch phát triển đô thị	7 tỷ	2027-2029
2	Các nhiệm vụ xây dựng Hệ thống thông tin, nền tảng số, dịch vụ số					
2.1	- Hệ thống bản đồ quy hoạch và hạ tầng đô thị trực tuyến cho phép người dân và doanh nghiệp tra cứu thông tin, tham gia góp ý	Sở Xây dựng	Sở Khoa học và Công nghệ	Cổng bản đồ quy hoạch - hạ tầng trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp tra cứu và góp ý	20 tỷ	2027-2029
2.2	- Hệ thống mô phỏng phát triển đô thị phục vụ đánh giá các phương án quy hoạch	Sở Xây dựng	Sở Khoa học và Công nghệ	Công cụ mô phỏng các phương án quy hoạch, phát triển không gian đô thị và hạ tầng	~	Thực hiện theo nhiệm vụ I.1.6 tại Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày

						28/1/2026
2.3	- Hệ thống giám sát, dự báo và quản lý vận hành hạ tầng đô thị theo thời gian thực	Sở Xây dựng	Sở Khoa học và Công nghệ	Hệ thống giám sát tích hợp dữ liệu vận hành hạ tầng, hỗ trợ dự báo và điều hành	~	Thực hiện theo nhiệm vụ I.1.7 tại Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 28/1/2026
2.4	- Hệ thống phân tích dữ liệu không gian đô thị phục vụ quản lý quy hoạch và phát triển đô thị	Sở Xây dựng	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ công cụ phân tích không gian phục vụ quản lý quy hoạch, đầu tư, hạ tầng, dân cư	20 tỷ	2027-2029
2.5	- Nền tảng dữ liệu phục vụ phát triển các dịch vụ đô thị thông minh như giao thông thông minh, quản lý chiếu sáng và quản lý bãi đỗ xe	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND các phường, xã	Nền tảng dữ liệu dùng chung cho giao thông thông minh, chiếu sáng, bãi đỗ xe, hạ tầng đô thị	15 tỷ	2027-2029
IV	DI SẢN – VĂN HOÁ – DU LỊCH				275 tỷ	
1	Các nhiệm vụ số hóa					
1.1	- Dữ liệu di tích lịch sử và kiến trúc cung đình, bao gồm thông tin về lịch sử hình thành, kiến trúc, hiện trạng và các tư liệu liên quan.	Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế	Sở Văn hóa và Thể thao	Bộ dữ liệu số hóa chi tiết hệ thống di tích, hồ sơ hiện trạng, ảnh, bản vẽ, thông tin lịch sử	40 tỷ	2027-2030
1.2	- Dữ liệu hiện vật, cổ vật và các tư liệu lưu trữ tại các bảo tàng, di tích và trung tâm văn hoá.	Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế	Sở Văn hóa và Thể thao	Kho dữ liệu số hiện vật, cổ vật, tư liệu bảo tàng, bảo đảm tra cứu và bảo tồn lâu dài	~	TTBT đang triển khai

1.3	- Dữ liệu HBIM (Heritage Building Information Modeling): xây dựng mô hình thông tin công trình di sản làm cơ sở dữ liệu “sống” phục vụ bảo tồn và nghiên cứu chuyên sâu; Định danh số cổ vật: số hóa hình ảnh, triển khai gắn chip định danh (NFC/Blockchain) để tạo bản sao số độc bản (1-1), đảm bảo an ninh và tính xác thực cho tài sản số; Số hóa kho tàng hoa văn: Quét 2D/3D chất lượng cao hệ thống hoa văn, họa tiết cung đình để làm tài nguyên cho công nghiệp văn hóa sáng tạo	Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế	Sở Văn hóa và Thể thao	Mô hình HBIM cho di sản trọng điểm; hệ thống định danh số cổ vật; kho số hóa 2D/3D hoa văn cung đình	~	TTBT đang triển khai
1.4	- Dữ liệu các loại hình di sản văn hoá phi vật thể như lễ hội truyền thống, nghệ thuật biểu diễn, âm nhạc cung đình, ẩm thực và các phong tục tập quán.	Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế	Sở Văn hóa và Thể thao	Cơ sở dữ liệu số lễ hội, nghệ thuật, âm nhạc cung đình, ẩm thực, tập quán truyền thống	25 tỷ	2027-2029
1.5	- Dữ liệu các điểm du lịch, tuyến du lịch và các sản phẩm du lịch đặc trưng của địa phương.	Sở Du lịch	UBND các phường, xã	Bộ dữ liệu số về tài nguyên du lịch, sản phẩm, tuyến điểm, điểm trải nghiệm	15 tỷ	2027-2029
1.6	- Dữ liệu du khách, bao gồm thông tin về lượng khách, thị trường khách, thời gian lưu trú và nhu cầu trải nghiệm du lịch.	Sở Du lịch	UBND các phường, xã	Hệ thống dữ liệu khách du lịch, hành vi, thị trường, lưu trú, nhu cầu trải nghiệm	10 tỷ	2027-2029
2	Các nhiệm vụ xây dựng Hệ thống thông tin, nền tảng số, dịch vụ số					
2.1	- Hệ thống bảo tàng số và các nền tảng giới thiệu di sản trực tuyến, giúp du khách tiếp cận thông tin di sản một cách trực quan và sinh động.	Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế	Sở Văn hóa và Thể thao	Bảo tàng số, tham quan trực tuyến, kho nội dung di sản số có tính tương tác cao	40 tỷ	2027-2030

2.2	- Xây dựng hệ sinh thái giáo dục di sản trực tuyến (tận dụng các kết quả của việc số hóa các di sản để chuyển hóa thành các bài giảng đa phương tiện, phim tư liệu 3D và kho dữ liệu mở phục vụ nghiên cứu, giảng dạy trong hệ thống giáo dục)	Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế	Sở Giáo dục và Đào tạo	Bộ học liệu số, bài giảng đa phương tiện, phim tư liệu 3D, kho dữ liệu phục vụ giáo dục di sản	25 tỷ	2027-2030
2.3	- Các ứng dụng du lịch thông minh cung cấp thông tin về điểm đến, tuyển tham quan và các dịch vụ du lịch.	Sở Du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ	Ứng dụng số hỗ trợ tra cứu điểm đến, hành trình, vé điện tử, tiện ích du lịch	20 tỷ	2027-2030
2.4	- Hệ thống hướng dẫn du lịch thông minh dựa trên dữ liệu và công nghệ số.	Sở Du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ	Hệ thống thuyết minh số, hỗ trợ đa ngôn ngữ, cá nhân hóa hành trình tham quan	15 tỷ	2027-2029
2.5	- Nền tảng phân tích dữ liệu, dự báo du lịch nhằm hỗ trợ cơ quan quản lý và doanh nghiệp trong việc nghiên cứu thị trường và xây dựng sản phẩm du lịch.	Sở Du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ	Hệ thống phân tích thị trường khách, dòng khách, hành vi tiêu dùng, dự báo du lịch	20 tỷ	2027-2029
2.6	- Các nền tảng phát triển nội dung số và sản phẩm văn hoá sáng tạo dựa trên dữ liệu di sản.	Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế	Sở Văn hóa và Thể thao	Nền tảng khai thác dữ liệu di sản để phát triển sản phẩm sáng tạo, công nghiệp văn hóa	30 tỷ	2028-2030
2.7	- Sử dụng dữ liệu quét 3D, HBIM để cung cấp dịch vụ cho các đơn vị có nhu cầu theo hình thức thuê bản quyền dữ liệu số	Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế	Sở Văn hóa và Thể thao	Cơ chế khai thác, cung cấp dữ liệu số có thu phí cho nghiên cứu, kiến trúc, phim ảnh, game	~	2029-2030
2.8	- Thiết lập sàn giao dịch các sản phẩm số	Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế	Sở Văn hóa và Thể thao	Sàn/không gian giao dịch sản phẩm số văn hóa - di sản, từng bước thương mại hóa tài sản số	5 tỷ	2028-2030

2.9	- Sản xuất và truyền thông các sản phẩm nội dung số đa dạng, có tính tương tác cao gắn với quảng bá văn hóa, di sản và các giá trị đặc trưng của thành phố	Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế	Sở Văn hóa và Thể thao	Bộ sản phẩm nội dung số quảng bá di sản, văn hóa Huế trên đa nền tảng	25 tỷ	2027-2030
2.10	- Trình chiếu ánh sáng 3D mapping từ dữ liệu, hoa văn, họa tiết đã được số hóa	Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế	Sở Văn hóa và Thể thao	Sản phẩm trình chiếu 3D mapping phục vụ quảng bá, du lịch đêm, trải nghiệm di sản số	5 tỷ	2028-2029
V	PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI				90 tỷ	
1	Các nhiệm vụ số hóa					
1.1	- Dữ liệu khí tượng, bao gồm lượng mưa, nhiệt độ, độ ẩm và các chỉ số khí tượng liên quan.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ dữ liệu khí tượng số hóa, cập nhật định kỳ, phục vụ phân tích và cảnh báo	6 tỷ	2027-2028
1.2	- Dữ liệu thủy văn, bao gồm mực nước sông, hồ, kênh rạch và các trạm quan trắc thủy văn.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ	Cơ sở dữ liệu thủy văn về mực nước, lưu lượng, hồ, sông, kênh rạch và trạm quan trắc	7 tỷ	2027-2028
1.3	- Dữ liệu địa hình và địa mạo phục vụ việc phân tích dòng chảy và nguy cơ ngập lụt.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ dữ liệu địa hình, địa mạo số phục vụ mô hình hóa dòng chảy và nguy cơ ngập lụt	8 tỷ	2027-2028
1.4	- Dữ liệu hệ thống thoát nước đô thị, bao gồm mạng lưới cống thoát nước, trạm bơm, các hồ điều hoà và các điểm ngập.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ	Dữ liệu số hạ tầng thoát nước phục vụ dự báo, vận hành và ứng phó thiên tai	10 tỷ	2027-2028
1.5	- Dữ liệu lịch sử thiên tai, bao gồm các thông tin về các đợt mưa lớn, lũ lụt và thiệt hại trong quá khứ.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ	Cơ sở dữ liệu lịch sử thiên tai, thiệt hại, khu vực rủi ro, tần suất thiên tai	4 tỷ	2027-2028

2	Các nhiệm vụ xây dựng Hệ thống thông tin, nền tảng số, dịch vụ số					
2.1	- Hệ thống giám sát hạ tầng phòng chống thiên tai theo thời gian thực.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ	Hệ thống theo dõi các điểm trọng yếu, trạm bơm, hồ điều hòa, công trình phòng chống thiên tai	10 tỷ	2027-2028
2.2	- Hệ thống giám sát và cảnh báo mưa, lũ theo thời gian thực.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ	Hệ thống cảnh báo sớm mưa, lũ, ngập úng theo thời gian thực	10 tỷ	2027-2028
2.3	- Hệ thống bản đồ nguy cơ ngập lụt và các khu vực có nguy cơ thiên tai cao.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ	Bản đồ số cảnh báo rủi ro ngập lụt, phục vụ chỉ đạo điều hành và người dân tra cứu	8 tỷ	2027-2028
2.4	- Hệ thống dự báo và mô phỏng các kịch bản ngập lụt đô thị.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ	Mô hình phân tích, mô phỏng kịch bản ngập lụt, hỗ trợ ra quyết định	8 tỷ	2028-2029
2.5	- Nền tảng cung cấp thông tin và cảnh báo sớm thiên tai cho người dân thông qua các ứng dụng di động và các hệ thống thông tin của thành phố.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ	Kênh cảnh báo đa nền tảng qua app, web, cảnh báo số, tích hợp Hue-S	5 tỷ	2027-2028
2.6	- Nền tảng phân tích dữ liệu lịch sử và xây dựng kịch bản.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ công cụ phân tích dữ liệu lịch sử phục vụ hoạch định phương án ứng phó	6 tỷ	2028-2029
2.7	- Hệ thống hỗ trợ điều hành và ra quyết định cho các cơ quan quản lý trong quá trình ứng phó với thiên tai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ	Dashboard điều hành, hỗ trợ trực ban, chỉ huy, điều phối ứng phó thiên tai	8 tỷ	2028-2029
VI	ĐÔ THỊ THÔNG MINH				52 tỷ	

1	Các nhiệm vụ số hóa					
1.1	- Dữ liệu quy hoạch và phát triển đô thị, bao gồm quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất và phát triển hạ tầng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Bộ dữ liệu số dùng chung phục vụ điều hành đô thị thông minh, tích hợp quy hoạch và phát triển đô thị	8 tỷ	2027-2028
1.2	- Dữ liệu giao thông đô thị, bao gồm lưu lượng giao thông, hệ thống đường bộ, bãi đỗ xe, vận tải công cộng và hạ tầng giao thông.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Cơ sở dữ liệu giao thông đô thị, cập nhật phục vụ giám sát và điều tiết	7 tỷ	2027-2028
1.3	- Dữ liệu môi trường đô thị, bao gồm chất lượng không khí, nước, tiếng ồn, rác thải và các yếu tố môi trường khác.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Cơ sở dữ liệu môi trường về không khí, nước, tiếng ồn, rác thải, cảnh báo môi trường	6 tỷ	2027-2028
1.4	- Dữ liệu hạ tầng kỹ thuật, bao gồm hệ thống cấp nước, thoát nước, điện, chiếu sáng, viễn thông và các công trình hạ tầng đô thị.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Bộ dữ liệu số hạ tầng đô thị dùng chung giữa các cơ quan, đơn vị	6 tỷ	2027-2028
1.5	- Dữ liệu dịch vụ đô thị và phản ánh hiện trường, bao gồm các thông tin về trật tự đô thị, an toàn đô thị, dịch vụ công và phản ánh của người dân.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Kho dữ liệu phản ánh hiện trường, trật tự đô thị, an toàn đô thị, dịch vụ công cộng	5 tỷ	2027-2028
2	Các nhiệm vụ xây dựng Hệ thống thông tin, nền tảng số, dịch vụ số					
2.1	- Hệ thống bản đồ số đô thị thông minh phục vụ quản lý quy hoạch và hạ tầng đô thị.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Bản đồ số điều hành đô thị tích hợp nhiều lớp dữ liệu	6 tỷ	2027-2028
2.2	- Hệ thống giám sát và điều hành đô thị thông minh, tích hợp dữ liệu giao thông, môi trường và hạ tầng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Hệ thống tích hợp dữ liệu đô thị phục vụ IOC, điều hành giao thông, môi trường, hạ tầng	~	Thực hiện theo nhiệm vụ I.1.7 tại Quyết định

						số 465/QĐ- UBND ngày 28/1/2026
2.3	- Hệ thống phân tích và dự báo dữ liệu đô thị phục vụ công tác quản lý và ra quyết định.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Công cụ phân tích, trực quan hóa và dự báo các chỉ số đô thị	5 tỷ	2027-2029
2.4	- Nền tảng chia sẻ dữ liệu đô thị cho doanh nghiệp phát triển các dịch vụ và ứng dụng số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Nền tảng khai thác dữ liệu đô thị phục vụ doanh nghiệp phát triển ứng dụng, dịch vụ số	4 tỷ	2028-2029
2.5	- Cổng dữ liệu đô thị mở phục vụ người dân, doanh nghiệp khai thác thông tin đô thị.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Cổng dữ liệu mở đô thị phục vụ người dân, doanh nghiệp khai thác thông tin	5 tỷ	2028-2030

2. Kinh phí dự kiến: Tổng kinh phí dự kiến khoảng 600 – 1.310 tỷ đồng

3. Cơ cấu kinh phí:

TT	Nhiệm vụ	Kinh phí dự ước (Tỷ đồng)	Đề xuất nguồn thực hiện
1	Dịch vụ hành chính công	30 – 60	KHCN Thành phố
2	Quản lý nhà nước chuyên ngành	50 – 100	KHCN Trung ương
3	Quy hoạch và quản lý hạ tầng đô thị dựa trên dữ liệu	140 – 350	KHCN Trung ương

4	Di sản - văn hoá - du lịch	275 – 600	Xã hội hoá (PPP)
5	Phòng chống thiên tai	65 – 120	KHCN Trung ương
6	Đô thị thông minh	40 – 80	KHCN Trung ương
Tổng kinh phí		600 – 1.310	

4. Nguồn vốn

- Nguồn Khoa học và Công nghệ Thành phố: 27 - 60 tỷ đồng (chiếm 4.6%).
- Nguồn Khoa học và Công nghệ Trung ương: 297 - 650 tỷ đồng (49.6%).
- Nguồn vốn xã hội hóa theo hình thức PPP: 276 - 600 (45.8%).

Kinh phí nêu trên là ước lượng để làm cơ sở lập kế hoạch trung hạn; kinh phí chính xác của từng dự án, nhiệm vụ sẽ được xác định theo trình tự thẩm định chủ trương đầu tư, lập dự án theo quy định của Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước.